

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH**  
**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 49

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là nhóm Công ty).

### Khái quát về Công ty Cổ phần Sông Đà 11

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0500313811 ngày 16 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được chuyển đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 11 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ và cơ cấu lại các đơn vị trực thuộc.

*Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 : 115.531.050.000 VND*

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 04 33 545 735

Fax : 04 33 542 280

Mã số thuế : 0500313811

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Sơn La	Tiểu khu 6, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Sông Đà 11.5	Phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.7	Thôn Tân Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Chi nhánh Sông Đà 11.9	Xã Hồ Bón, huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại miền Nam	Lô 74-76C, KP 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp hóa chất, khai khoáng
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
  - Xây dựng các công trình: Thủy điện, thủy lợi, giao thông và bưu điện;

- Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp đến 500 KV; xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp; xây lắp kết cấu công trình;
- Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
- Xây dựng và lắp đặt các nhà máy xử lý nước sạch và xử lý nước thải; xây dựng các nhà máy thủy điện;
- ✓ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Quản lý vận hành phân phối điện nước cho các công trình; quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị; quản lý vận hành kinh doanh bán điện; Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;
- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- ✓ Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện, tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện - điện tử và tự động hóa;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác cát, sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch: vận tải hàng hóa đường bộ;
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, điện chiếu sáng của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa thông tin và điều khiển của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Cung cấp, mua bán, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng lắp ráp: Tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và cho các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết:
  - Hoạt động kinh doanh bất động sản;
  - Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm); Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;
- ✓ Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai và bia hộp).

**Các công ty con:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long	BT3 – Vị trí 24, Khu đô thị mới Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Số 0106408857 thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 6 năm 2014	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	Bản Tin Tốc, Xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Số 5500378582 thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 09 năm 2013	70%

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của nhóm Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 49).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch	7 tháng 6 năm 2014	
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	21 tháng 4 năm 2010	7 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Văn Ngu	Phó chủ tịch	7 tháng 6 năm 2014	
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	7 tháng 6 năm 2014	
Ông Phạm Việt Cường	Ủy viên	7 tháng 6 năm 2014	
Ông Dương Hoài Nam	Ủy viên	27 tháng 4 năm 2012	
Ông Phạm Lạp	Ủy viên	27 tháng 4 năm 2012	7 tháng 6 năm 2014

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Phương	Trưởng ban	24 tháng 6 năm 2013	
Ông Đặng Xuân Thu	Thành viên	21 tháng 4 năm 2010	
Ông Nguyễn Vũ Hải	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	7 tháng 6 năm 2014	
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	29 tháng 4 năm 2010	7 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	24 tháng 11 năm 2011	
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 3 năm 2006	
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 8 năm 2010	

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của nhóm Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của nhóm Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của nhóm Công ty, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
**Tổng Giám đốc**



**Lê Văn Tuấn**

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

002  
ANH  
TY  
HỮU  
À TỬ  
C  
NỘI  
TP.



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 388 /2014/BCTC-KTTV-TV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2014, từ trang 7 đến trang 49 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của nhóm Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C  
Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

**Trần Kim Anh – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2013-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2014

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>762.210.281.842</b>	<b>725.335.628.712</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>58.091.342.915</b>	<b>76.062.872.703</b>
1. Tiền	111		58.091.342.915	76.062.872.703
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>19.107.000.000</b>	<b>18.882.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	19.452.000.000	19.452.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(345.000.000)	(570.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>392.888.257.424</b>	<b>397.933.832.432</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	389.411.365.251	375.427.679.090
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	32.691.292.544	25.203.216.279
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	12.513.733.862	6.331.919.791
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(41.728.134.233)	(9.028.982.728)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>255.430.169.390</b>	<b>200.463.408.812</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	255.430.169.390	200.463.408.812
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>36.693.512.113</b>	<b>31.993.514.765</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	932.201.210	150.664.921
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.130.433.559	3.202.994.040
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	273.788.728
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	30.630.877.344	28.366.067.076



# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>180.912.044.845</b>	<b>166.617.031.847</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>19.459.332.042</b>	<b>10.361.936.310</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.11	19.459.332.042	10.361.936.310
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>153.190.336.711</b>	<b>147.404.880.542</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	113.585.784.627	119.590.811.720
<i>Nguyên giá</i>	222		195.785.276.773	194.814.908.864
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(82.199.492.146)	(75.224.097.144)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	5.213.118.107	5.299.591.625
<i>Nguyên giá</i>	228		6.827.290.426	6.827.290.426
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.614.172.319)	(1.527.698.801)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	34.391.433.977	22.514.477.197
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	5.000.000.000	5.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.077.376.092</b>	<b>3.295.214.995</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	3.017.711.365	3.254.646.072
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	48.114.727	30.068.923
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	11.550.000	10.500.000
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	V.19	<b>185.000.000</b>	<b>555.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>943.122.326.687</b>	<b>891.952.660.559</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>694.991.136.410</b>	<b>642.589.938.209</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>633.610.289.710</b>	<b>593.951.283.191</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	177.768.045.545	162.361.768.611
2. Phải trả người bán	312	V.21	161.129.214.850	186.942.543.532
3. Người mua trả tiền trước	313	V.22	116.626.436.443	63.154.286.617
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	42.807.115.329	42.984.827.543
5. Phải trả người lao động	315		36.448.837.831	28.923.652.926
6. Chi phí phải trả	316	V.24	21.410.047.816	40.632.564.292
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	75.204.319.055	66.994.026.829
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	2.216.272.841	1.957.612.841
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>61.380.846.700</b>	<b>48.638.655.018</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.27	20.272.822.058	21.698.897.441
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.28	2.058.000.000	2.058.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.29	38.128.459.935	23.478.393.197
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.30	921.564.707	1.403.364.380
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>246.931.190.277</b>	<b>248.162.722.350</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.31</b>	<b>246.931.190.277</b>	<b>248.162.722.350</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42.587.700.408	42.587.700.408
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(128.058.585)	(128.058.585)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		60.587.870.009	59.923.331.575
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.687.043.531	7.799.043.531
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.665.584.914	22.449.655.421
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>V.32</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>943.122.326.687</b>	<b>891.952.660.559</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.33	8.092.639.768	8.092.639.768
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		3.073	482,01
LAK		500.001	500.001,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Đỗ Văn Trà

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	552.789.202.916	363.730.967.868
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	384.619.736	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	552.404.583.180	363.730.967.868
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	461.984.303.541	304.283.043.683
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90.420.279.639	59.447.924.185
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	712.192.235	1.069.529.243
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.766.975.829	13.122.700.241
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.378.020.195	11.170.507.711
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	63.102.546.270	29.204.834.993
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.262.949.775	18.189.918.194
11. Thu nhập khác	31	VI.6	15.308.626	968.647.894
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.569.161.000	823.463.289
13. Lợi nhuận khác	40		(1.553.852.374)	145.184.605
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	558.172.255
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.709.097.401	18.893.275.054
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.213.069.278	3.069.151.275
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	(18.045.804)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>13.514.073.927</u>	<u>15.824.123.779</u>
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	3.254.342.688
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	V.31	<u>13.514.073.927</u>	<u>12.569.781.091</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.170</u>	<u>1.573</u>

Người lập biểu

Đỗ Văn Trà

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.709.097.401	18.893.275.054
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.061.868.520	6.802.148.336
- Các khoản dự phòng	03	32.474.151.505	900.586.485
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(36.695.651)	(1.501.389)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(101.416.108)	185.727.273
- Chi phí lãi vay	06	9.378.020.195	11.170.507.711
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	64.485.025.862	37.950.743.470
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(40.586.249.205)	(48.111.558.031)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(54.966.760.578)	(48.121.717.433)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6.804.058.107	51.266.316.558
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(174.601.582)	(1.445.284.165)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(9.624.157.681)	(11.287.179.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(319.962.298)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.841.676.715
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(713.574.083)	(707.151.725)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(34.776.259.160)</b>	<b>(18.934.115.909)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.847.324.689)	(1.763.925.196)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	864.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.950.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	101.416.108	993.600.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12.745.908.581)</b>	<b>2.043.947.531</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	216.281.755.126	114.624.810.717
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(186.225.411.454)	(113.082.999.446)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(506.560.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>29.549.783.672</i>	<i>1.541.811.271</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>	<i>(17.972.384.069)</i>	<i>(15.348.357.107)</i>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1 76.062.872.703</b>	<b>52.761.033.956</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	854.281	31.668.169
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1 58.091.342.915</b>	<b>37.444.345.018</b>

Người lập biểu

Đỗ Văn Trà

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngu

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (Công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là nhóm Công ty).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – xây dựng
- Ngành nghề kinh doanh** :
  - Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
  - Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
  - Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
  - Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
  - Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
  - Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.
- Tổng số các công ty con** : 02  
*Trong đó:*
  - Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02
  - Số lượng các công ty con không được hợp nhất: -

### 5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 – Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	Bản Tin Tộc, Xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	94,74%	70%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

---

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### 3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

### 4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định cho từng công trình như sau:

- Đối với công trình đấu thầu, Công ty mẹ xác định được giá thành nội bộ:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó:

$$\text{Giá vốn hàng bán trong kỳ} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong kỳ}$$

- Đối với các công trình khác:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{tính trước} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{phụ phí} \\ \text{(nếu có)} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{ước tính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Lãi vay} \\ \text{ước tính} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## 7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

## 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

Riêng máy móc thiết bị của nhà máy Thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của nhóm Công ty bao gồm:

##### *Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà*

Giá trị lợi thế kinh doanh của nhóm Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

#### 11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### 13. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm

#### *Chi phí bóc phủ khai thác mỏ đá*

Chi phí bóc phủ khai thác bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc bóc hết lớp đất phủ trên mỏ đá của Chi nhánh Sông Đà 11.7 trước khi Chi nhánh chính thức hoạt động khai thác đá xây dựng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm kể từ khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động khai thác đá.

#### *Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại*

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

### 14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### 15. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Nhóm Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại nhóm Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 nhóm Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp nhóm Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

### 16. Nguồn vốn kinh doanh

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông và của công ty mẹ.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do nhóm Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

### 17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong nhóm Công ty.

### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

---

tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi các Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Doanh thu xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì: Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## **22. Tài sản tài chính**

### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của nhóm Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

### ***Các khoản phải thu***

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### ***Tài sản tài chính sẵn sàng để bán***

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của nhóm Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## **24. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi nhóm Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.924.686.557	1.091.246.581
Tiền gửi ngân hàng	55.865.062.889	74.971.626.122
Tiền đang chuyển	301.593.469	
<b>Cộng</b>	<b><u>58.091.342.915</u></b>	<b><u>76.062.872.703</u></b>

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư ngắn hạn khác				
Công ty Tài chính CP Sông Đà	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà <sup>(i)</sup>	595.200	5.952.000.000	595.200	5.952.000.000
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 <sup>(ii)</sup>	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Công ty CP Sông Đà Hà Nội	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>19.452.000.000</u></b>		<b><u>19.452.000.000</u></b>

(i) Tổng vốn góp vào Công ty CP Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà theo đăng ký là 8.000.000.000 VND, chiếm 10% vốn điều lệ, trong đó: từ nguồn vốn của Công ty là 4.000.000.000 VND, các cá nhân góp vốn ủy thác qua Công ty là 4.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nắm giữ 595.200 cổ phiếu tương ứng 5.952.000.000 VND trong đó Công ty Cổ phần Sông Đà 11 góp 3.929.500.000 VND, vốn ủy thác của CBCNV là 2.022.500.000 VND.

(ii) Mua cổ phần ủy thác qua Tổng Công ty Sông Đà.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng đầu tư ngắn hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(570.000.000)	(780.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng	225.000.000	210.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>(345.000.000)</u></b>	<b><u>(570.000.000)</u></b>

#### 4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Về khối lượng xây lắp	351.010.293.174	349.891.040.248
Về cung cấp điện, nước	32.337.440.678	6.054.422.856
Tiền bán thành phẩm	1.414.329.251	6.907.525.459
Phải thu tiền khác	4.649.302.148	12.574.690.527
<b>Cộng</b>	<b><u>389.411.365.251</u></b>	<b><u>375.427.679.090</u></b>

#### 5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Về khối lượng xây lắp	18.047.604.927	14.584.388.324
Về cung cấp vật tư, thiết bị	7.983.963.000	9.804.648.809
Về cung cấp điện	249.377.175	225.496.340
Về cung cấp dịch vụ	6.410.347.442	588.682.806
<b>Cộng</b>	<b><u>32.691.292.544</u></b>	<b><u>25.203.216.279</u></b>

#### 6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của CBCNV	2.061.196.693	1.789.623.579
Phải thu các đội công trình	1.723.557.197	895.252.841
Tiền cổ tức phải thu	695.750.000	695.750.000
Phải thu ban điều hành DA thủy điện Hòa Na	399.227.449	399.227.449
Tiền đền bù đã trả hộ chủ đầu tư chưa quyết toán	3.940.106.242	1.237.484.178
Tiền đền bù do mất vật tư	492.946.445	330.651.004
Phải thu tiền điện	146.474.920	143.471.400
Phải thu Sở tài chính tiền thuê đất được giảm	158.503.664	
Phải thu tiền nhượng bán vật tư	60.907.940	
Phải thu tiền bảo hiểm lắp đặt ĐZ 500KV Duyên Hải - Mỹ Tho chỉ hộ nhà thầu phụ	120.645.535	
Phải thu tiền cho vay vốn lưu động	795.721.745	
Các khoản phải thu khác	1.918.696.032	840.459.340
<b>Cộng</b>	<b><u>12.513.733.862</u></b>	<b><u>6.331.919.791</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu dài hạn khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(9.028.982.728)	(797.494.432)
Trích lập dự phòng bổ sung	(32.699.151.505)	(900.586.485)
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>(41.728.134.233)</u></b>	<b><u>(1.698.080.917)</u></b>

#### 8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	16.090.000	3.819.360.085
Nguyên liệu, vật liệu	25.220.598.103	19.503.894.122
Công cụ, dụng cụ	1.075.435.619	1.425.214.339
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	229.118.045.668	175.196.786.092
Thành phẩm		518.154.174
<b>Cộng</b>	<b><u>255.430.169.390</u></b>	<b><u>200.463.408.812</u></b>

#### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng	182.109.090	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	620.618.697	53.609.182
Chi phí sửa chữa tài sản	36.754.545	36.754.545
Chi phí bảo hiểm tài sản	22.006.686	60.301.194
Chi phí thuê truyền tải	70.712.192	
<b>Cộng</b>	<b><u>932.201.210</u></b>	<b><u>150.664.921</u></b>

#### 10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	27.490.551.284	24.595.417.213
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	93.434.083	10.250.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	3.046.891.977	3.760.399.863
<b>Cộng</b>	<b><u>30.630.877.344</u></b>	<b><u>28.366.067.076</u></b>

#### 11. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là khoản phải thu dài hạn về khối lượng xây lắp thực hiện.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	83.221.970.194	77.601.002.156	32.984.624.095	1.007.312.419	194.814.908.864
Tăng trong kỳ do mua sắm		970.367.909			970.367.909
Giảm trong kỳ					
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>83.221.970.194</b>	<b>78.571.370.065</b>	<b>32.984.624.095</b>	<b>1.007.312.419</b>	<b>195.785.276.773</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	303.150.100	5.668.322.549	10.737.206.830	260.423.326	16.969.102.805
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	20.607.053.667	30.932.991.508	22.979.728.031	704.323.938	75.224.097.144
Khấu hao trong kỳ	1.863.764.903	3.339.716.968	1.678.089.018	93.824.113	6.975.395.002
Giảm trong kỳ do phân loại	(60.787.475)	60.787.475			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>22.410.031.095</b>	<b>34.333.495.951</b>	<b>24.657.817.049</b>	<b>798.148.051</b>	<b>82.199.492.146</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	62.614.916.527	46.668.010.648	10.004.896.064	302.988.481	119.590.811.720
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>60.811.939.099</b>	<b>44.237.874.114</b>	<b>8.326.807.046</b>	<b>209.164.368</b>	<b>113.585.784.627</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 130.341.802.511 VND và 86.884.235.753 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Điện Biên, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Đông Đô, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Tây, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công.

### 13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Lợi thế kinh doanh	Thương hiệu Sông Đà	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	5.097.820.000	729.470.426	1.000.000.000	6.827.290.426
Tăng trong kỳ				
Giảm trong kỳ				
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.097.820.000</b>	<b>729.470.426</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>6.827.290.426</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Lợi thế kinh doanh</u>	<u>Thương hiệu Sông Đà</u>	<u>Cộng</u>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm		644.365.462	883.333.339	1.527.698.801
Tăng trong kỳ		36.473.520	49.999.998	86.473.518
Giảm trong kỳ				
<b>Số cuối kỳ</b>		<b>680.838.982</b>	<b>933.333.337</b>	<b>1.614.172.319</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	5.097.820.000	85.104.964	116.666.661	5.299.591.625
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.097.820.000</b>	<b>48.631.444</b>	<b>66.666.663</b>	<b>5.213.118.107</b>

### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ		3.360.149.370	350.540.909	3.009.608.461
XDCB dở dang	22.238.199.759	8.832.848.319		31.071.048.078
<i>DA khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thọ</i>	5.991.951.013			5.991.951.013
<i>DA khu dân cư Phương Lâm - Hòa Bình</i>	1.590.357.765			1.590.357.765
<i>Công trình nhà máy thủy điện To Bông</i>	14.478.807.340	8.832.848.319		23.311.655.659
<i>Công trình nhà văn phòng CN Sông Đà 11.2 Thăng Long</i>	177.083.641			177.083.641
Sửa chữa lớn TSCĐ	276.277.438	34.500.000		310.777.438
<b>Cộng</b>	<b>22.514.477.197</b>	<b>12.227.497.689</b>	<b>350.540.909</b>	<b>34.391.433.977</b>

### 15. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu				
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà</i>	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>500.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>500.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

### 16. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí CCDC	1.146.914.464	1.283.795.490	823.612.223	1.607.097.731
Chi phí bóc phủ	655.818.179		163.954.545	491.863.634
Chi phí sửa chữa	420.663.429		420.663.429	
Thương hiệu Sông Đà	612.500.000		75.000.000	537.500.000
Lợi thế thương mại	418.750.000		37.500.000	381.250.000
<b>Cộng</b>	<b>3.254.646.072</b>	<b>1.283.795.490</b>	<b>1.520.730.197</b>	<b>3.017.711.365</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thu nhập bán thanh lý tài sản trong nội bộ và chênh lệch do thay đổi thời gian khấu hao. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	30.068.923
Số phát sinh	18.045.804
Số cuối kỳ	<u>48.114.727</u>

#### 18. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

#### 19. Lợi thế thương mại

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	3.700.000.000	3.700.000.000
Tăng trong kỳ		
Giảm trong kỳ		
Số cuối kỳ	<u>3.700.000.000</u>	<u>3.700.000.000</u>
<b>Số đã phân bổ</b>		
Số đầu năm	3.145.000.000	2.405.000.000
Phân bổ trong kỳ	370.000.000	370.000.000
Số cuối kỳ	<u>3.515.000.000</u>	<u>2.775.000.000</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	555.000.000	1.295.000.000
Số cuối kỳ	<u>185.000.000</u>	<u>925.000.000</u>

#### 20. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>172.138.335.705</b>	<b>150.913.262.867</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – CN Hà Tây	59.019.326.267	30.635.313.519
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Láng Hạ	1.789.575.953	5.889.887.190
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Quang Trung	103.092.028.057	105.182.380.844
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – CN Đông Đô	8.237.405.428	9.205.681.314
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>5.629.709.840</b>	<b>11.448.505.744</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – CN Điện Biên	4.415.000.000	8.830.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – CN Đông Đô	818.000.000	1.636.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hà Nội	63.245.904	126.491.808
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Thành Công	333.463.936	856.013.936
<b>Cộng</b>	<u><b>177.768.045.545</b></u>	<u><b>162.361.768.611</b></u>

Đ\* M.S.C.N.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)***Chi tiết số phát sinh về các khoản vay*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	150.913.262.867	201.631.688.388	180.406.615.550	172.138.335.705
Vay dài hạn đến hạn trả	11.448.505.744		5.818.795.904	5.629.709.840
<b>Cộng</b>	<b>162.361.768.611</b>	<b>201.631.688.388</b>	<b>186.225.411.454</b>	<b>177.768.045.545</b>

**21. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Về cung cấp vật tư, TB, CCDC	68.795.392.763	73.747.580.464
Về cung cấp điện	263.795.390	265.426.567
Về xây lắp	87.094.933.402	105.556.103.346
Phải trả nhà cung cấp khác	4.975.093.295	7.373.433.155
<b>Cộng</b>	<b>161.129.214.850</b>	<b>186.942.543.532</b>

**22. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Về hoạt động xây lắp	116.359.343.795	62.984.788.217
Về hoạt động khác	267.092.648	169.498.400
<b>Cộng</b>	<b>116.626.436.443</b>	<b>63.154.286.617</b>

**23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	31.087.470.620	23.366.093.187	25.353.235.043	29.100.328.764
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.983.118.639	2.213.069.278		9.196.187.917
Thuế thu nhập cá nhân	2.288.455.504	256.826.289	737.898.709	1.807.383.084
Thuế tài nguyên	827.942.106	745.587.852	300.000.000	1.273.529.958
Thuế nhà đất	14.874.854	9.972.283	9.972.283	14.874.854
Tiền thuê đất	62.150.760			62.150.760
Phí bảo vệ môi trường	1.215.795.517	246.226.960	340.593.300	1.121.429.177
Các loại thuế khác	108.654.445	14.000.000	14.000.000	108.654.445
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	122.576.370			122.576.370
<b>Cộng</b>	<b>42.711.038.815</b>	<b>26.851.775.849</b>	<b>26.755.699.335</b>	<b>42.807.115.329</b>

*Trong đó:*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải thu nhà nước		(273.788.728)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	42.807.115.329	42.984.827.543
<b>Cộng</b>	<b>42.807.115.329</b>	<b>42.711.038.815</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư	10%
Hoạt động khác như nước sạch	5%

#### *Thuế tài nguyên*

Nhóm Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 4%/ giá tính thuế.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 3, điều 38 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và thực hiện tại địa bàn quy định tại Danh mục B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 03 năm kể từ năm 2012 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 05 năm tiếp theo.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Các hoạt động khác	Thủy điện Thác Trắng	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.115.797.763	8.593.299.638	15.709.097.401
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.186.459.639		2.186.459.639
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.186.459.639		2.186.459.639
<i>Tiền phạt thuế, BHXH</i>	<i>1.502.677.544</i>		<i>1.502.677.544</i>
<i>Thù lao HDQT không điều hành</i>	<i>48.000.000</i>		<i>48.000.000</i>
<i>Chi phí không có chứng từ hợp lệ</i>	<i>53.405.062</i>		<i>53.405.062</i>
<i>Chi phí khấu hao không được duyệt</i>	<i>37.560.755</i>		<i>37.560.755</i>
<i>Xử lý công nợ</i>	<i>27.135.350</i>		<i>27.135.350</i>
<i>Giảm lãi thanh lý TS công ty mẹ</i>	<i>65.654.545</i>		<i>65.654.545</i>
<i>Phân bổ lợi thế thương mại</i>	<i>370.000.000</i>		<i>370.000.000</i>
<i>Điều chỉnh tăng khấu hao do hợp nhất</i>	<i>82.026.383</i>		<i>82.026.383</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm			
Thu nhập chịu thuế	9.302.257.402	8.593.299.638	17.895.557.040
Thu nhập được miễn thuế			
Lỗi các năm trước được chuyển			
Thu nhập tính thuế	9.302.257.402	8.593.299.638	17.895.557.040
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>2.046.496.629</b>	<b>1.890.525.920</b>	<b>3.937.022.549</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Các hoạt động khác	Thủy điện Thác Trắng	Tổng cộng
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>			
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		(1.890.525.920)	(1.890.525.920)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</i>	2.046.496.629		2.046.496.629
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	166.572.649		166.572.649
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.213.069.278</b>		<b>2.213.069.278</b>

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 24. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí các công trình	21.015.839.467	39.537.659.233
Trích trước chi phí vật tư	31.786.500	470.845.724
Phải trả tiền thuê văn phòng, thuê xe, thuê đất, thuê máy	126.000.000	236.954.545
Chi phí lãi vay phải trả	140.967.304	387.104.790
Trích trước chi phí thuê vận chuyên	95.454.545	-
<b>Cộng</b>	<b>21.410.047.816</b>	<b>40.632.564.292</b>

## 25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.381.070.913	2.737.205.296
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	5.068.967.571	6.330.730.211
Phải trả các đội tiền khoán công trình	39.892.110.322	43.542.540.939
Nhân ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà của CBCNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Các quỹ xã hội nhân đạo	763.395.059	817.208.681
Cổ tức phải trả các cổ đông	14.568.022.173	1.214.923.423
Phải trả Jurong Engineering Limited	2.112.966.780	2.112.966.780
Vật tư kiểm kê thiếu phải trả chủ đầu tư	2.996.891.977	3.548.104.422
Thuế thu nhập cá nhân phải trả nước Lào	1.855.336.618	1.778.377.822
Kinh phí hoạt động công tác đảng	689.757.860	
Phải trả tiền đền bù GPMB	1.272.793.000	
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.580.506.782	2.889.469.255
<b>Cộng</b>	<b>75.204.319.055</b>	<b>66.994.026.829</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.036.215.316	888.000.000	448.340.000	1.475.875.316
Quỹ phúc lợi	921.397.525		181.000.000	740.397.525
<b>Cộng</b>	<b>1.957.612.841</b>	<b>888.000.000</b>	<b>629.340.000</b>	<b>2.216.272.841</b>

### 27. Phải trả dài hạn người bán

Là khoản phải trả dài hạn về khối lượng xây lắp hoàn thành.

### 28. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.058.000.000	1.058.000.000
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.058.000.000</b>	<b>2.058.000.000</b>

### 29. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Chi nhánh Ngân hàng ĐT &amp; PT Điện Biên</i>	<i>26.614.458.991</i>	<i>13.256.546.906</i>
Hợp đồng tín dụng 02/2004/HĐ-TDDH <sup>(1)</sup>	11.412.123.867	11.412.123.867
Hợp đồng tín dụng 03/2007/HĐ <sup>(2)</sup>	1.844.423.039	1.844.423.039
Hợp đồng tín dụng 01/2013/HĐ <sup>(3)</sup>	13.357.912.085	
<i>Chi nhánh Ngân hàng ĐT &amp; PT Đông Đô</i>	<i>6.713.462.697</i>	<i>6.713.462.697</i>
Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD <sup>(4)</sup>	153.600.000	153.600.000
Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTD <sup>(5)</sup>	6.559.862.697	6.559.862.697
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>84.327.848</i>	<i>84.327.848</i>
Hợp đồng tín dụng số 207-01.07.10/HĐTD <sup>(6)</sup>	84.327.848	84.327.848
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công</i>	<i>3.424.055.746</i>	<i>3.424.055.746</i>
Hợp đồng tín dụng số 01/2013/TH/SDTL <sup>(7)</sup>	3.424.055.746	3.424.055.746
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – CN Hà Tây</i>	<i>1.292.154.653</i>	
Hợp đồng tín dụng 01/2014/HĐTD <sup>(8)</sup>	1.292.154.653	
<b>Cộng</b>	<b>38.128.459.935</b>	<b>23.478.393.197</b>

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/9/2004, thời hạn vay là 138 tháng với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Sở Giao dịch I – Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam cộng phí Ngân hàng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của Dự án Thủy điện Thác Trắng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐ ngày 28/02/2007, thời hạn vay 114 tháng với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Sở Giao dịch I – Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam cộng phí Ngân hàng, vay để trả lãi vay trong thời gian thi công dự án Nhà máy thủy điện Thác Trắng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (3) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2013/HĐ ngày 12/10/2013, thời hạn vay 180 tháng với lãi xuất huy động kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + phí tối thiểu 5%/năm, vay để thanh toán các khoản chi phí đầu tư, xây dựng Dự án xây dựng công trình Thủy điện To Bùng.
- (4) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD ngày 31 tháng 05 năm 2012, thời hạn vay không quá 30/06/2015 với lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng ĐT&PT – CN Đông Đô, vay để mua xe ô tô phục vụ quản lý điều hành.
- (5) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTD ngày 31 tháng 05 năm 2012, thời hạn vay không quá 29/10/2019 với lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng ĐT&PT – CN Đông Đô, vay để thực hiện đầu tư mua sàn tầng 7 – tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông.
- (6) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 07-01.07.10/HĐTD ngày 03 tháng 8 năm 2010, thời hạn vay 60 tháng với lãi xuất tiết kiệm 12 tháng loại thường trả lãi sau + biên độ tối thiểu 4%/năm, vay để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”.
- (7) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/TH SDTL ngày 13 tháng 9 năm 2013, thời hạn vay 60 tháng với lãi suất thả nổi từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Thành Công, vay để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2013”.
- (8) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/05/2014, thời hạn vay 60 tháng với lãi suất huy động bình quân VND 12 tháng trả lãi sau công phí ngân hàng 4%/năm, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2014.

#### Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	5.629.709.840	11.448.505.744
Trên 1 năm đến 5 năm	24.770.547.850	23.478.393.197
Trên 5 năm	13.357.912.085	
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>43.758.169.775</u></b>	<b><u>34.926.898.941</u></b>

#### Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	23.478.393.197	30.646.829.259
Số tiền vay phát sinh	14.650.066.738	
Số tiền vay đã trả		
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả		
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>38.128.459.935</u></b>	<b><u>30.646.829.259</u></b>

#### 30. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện của hoạt động xây lắp	719.314.707	1.201.114.380
Phí ủy thác góp vốn đầu tư	202.250.000	202.250.000
<b>Cộng</b>	<b><u>921.564.707</u></b>	<b><u>1.403.364.380</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội  
BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 31. Vốn chủ sở hữu

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	79.968.970.000	32.546.580.408	(128.058.585)	41.999.284.819	4.694.959.399	33.168.686.170	192.250.422.211
Tăng, giảm do sáp nhập	35.562.080.000	3.641.120.000				-	39.203.200.000
Lợi nhuận trong năm trước						15.367.054.033	15.367.054.033
Trích lập các quỹ trong năm trước				8.070.618.640	1.266.033.080	(10.640.466.098)	(1.303.814.378)
Chia cổ tức năm 2012						(15.707.855.500)	(15.707.855.500)
Tăng, giảm do thay đổi tỷ lệ lợi ích		6.400.000.000		9.853.428.116	1.838.051.052	262.236.816	18.353.715.984
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>115.531.050.000</b>	<b>42.587.700.408</b>	<b>(128.058.585)</b>	<b>59.923.331.575</b>	<b>7.799.043.531</b>	<b>22.449.655.421</b>	<b>248.162.722.350</b>
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	42.587.700.408	(128.058.585)	59.923.331.575	7.799.043.531	22.449.655.421	248.162.722.350
Lợi nhuận trong kỳ này						13.514.073.927	13.514.073.927
Trích lập các quỹ trong kỳ này				664.538.434	888.000.000	(2.440.538.434)	(888.000.000)
Chia cổ tức kỳ này						(13.857.606.000)	(13.857.606.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>115.531.050.000</b>	<b>42.587.700.408</b>	<b>(128.058.585)</b>	<b>60.587.870.009</b>	<b>8.687.043.531</b>	<b>19.665.584.914</b>	<b>246.931.190.277</b>

### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông, thành viên	84.501.050.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	42.587.700.408	42.587.700.408
Cổ phiếu quỹ	(128.058.585)	(128.058.585)
<b>Cộng</b>	<b>157.990.691.823</b>	<b>157.990.691.823</b>

\*\*\*H\*H\*H\*\*\*

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Trả cổ tức năm trước	506.560.000
<b>Cộng</b>	<b><u>506.560.000</u></b>

### Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.553.105	11.553.105
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	11.553.105	11.553.105
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.553.105</i>	<i>11.553.105</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.100	5.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.100</i>	<i>5.100</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.548.005	11.548.005
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.548.005</i>	<i>11.548.005</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 32. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.200.000.000	56.393.251.497
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		3.165.550.301
Tăng do thay đổi tỷ lệ lợi ích		3.088.792.387
Giảm do chia quỹ khen thưởng, phúc lợi		(437.102.507)
Số cuối kỳ	<u>1.200.000.000</u>	<u>62.210.491.678</u>

### 33. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	8.092.639.768	8.092.639.768
Nợ khó đòi đã xử lý		
Nợ khó đòi đã được thu hồi được		
Số cuối kỳ	<u>8.092.639.768</u>	<u>8.092.639.768</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Doanh thu

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	552.789.202.916	363.730.967.868
- Doanh thu điện thương phẩm	42.786.155.206	25.320.878.693
- Doanh thu hoạt động xây dựng	473.664.512.540	304.727.393.064
- Doanh thu hoạt động khác	36.338.535.170	33.682.696.111
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(384.619.736)	
- Giảm giá hàng bán	(384.619.736)	
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>552.404.583.180</b>	<b>363.730.967.868</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán điện thương phẩm	42.786.155.206	14.578.620.864
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	473.664.512.540	199.317.187.916
- Doanh thu thuần hoạt động khác	35.953.915.434	22.325.311.449

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	26.415.944.919	15.269.091.584
Giá vốn của hoạt động xây dựng	404.442.292.700	267.824.126.259
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	31.126.065.922	21.189.825.840
<b>Cộng</b>	<b>461.984.303.541</b>	<b>304.283.043.683</b>

Giá vốn hàng bán đã cung cấp như sau:

	Kỳ này
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	89.331.983.067
Chi nhân công trực tiếp	79.098.925.135
Chi phí máy thi công	932.520.255
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.354.848.747
Chi phí sản xuất chung	290.266.026.336
Tổng chi phí sản xuất	461.984.303.541
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	
<b>Giá vốn của hàng bán đã cung cấp</b>	<b>461.984.303.541</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	101.416.108	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	96.734.394	209.895.436
Lãi thu cho vay	19.020.549	491.170.222

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí bảo lãnh	310.826.172	366.962.196
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	147.499.361	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	36.695.651	1.501.389
<b>Cộng</b>	<b>712.192.235</b>	<b>1.069.529.243</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	9.378.020.195	11.170.507.711
Phí bảo lãnh	1.529.490.736	875.141.188
Lỗ thanh lý khoản đầu tư dài hạn		1.050.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(225.000.000)	
Phí cam kết tín dụng	45.909.600	27.050.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.547.377	
Chi phí tài chính khác	7.921	1.342
<b>Cộng</b>	<b>10.766.975.829</b>	<b>13.122.700.241</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	18.589.057.122	16.777.133.254
Chi phí vật liệu quản lý	2.160.812.925	1.815.558.381
Chi phí đồ dùng văn phòng	410.479.263	358.227.115
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.576.219.518	1.639.008.419
Thuế, phí và lệ phí	244.748.444	378.728.255
Chi phí dự phòng	32.699.151.505	900.586.485
Phân bổ lợi thế thương mại	370.000.000	370.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.660.819.299	2.668.757.089
Chi phí bằng tiền khác	4.391.258.194	4.296.835.995
<b>Cộng</b>	<b>63.102.546.270</b>	<b>29.204.834.993</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		864.272.727
Xử lý công nợ không phải trả		21.377.366
Thu nhập khác	15.308.626	82.997.801
<b>Cộng</b>	<b>15.308.626</b>	<b>968.647.894</b>

ÁP  
CHỈ  
CÓ  
CHỈ  
M T O .  
A  
T A I  
G E

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí bảo lãnh		112.645.010
Phạt chậm tiến độ thi công công trình		99.376.974
Phạt hành chính, phạt chậm nộp thuế, BHXH	1.502.677.544	585.061.300
Thuế GTGT không được khấu trừ		26.379.902
Truy thu thuế	33.905.409	
Xử lý công nợ	32.578.047	
Chi phí khác		103
<b>Cộng</b>	<b>1.569.161.000</b>	<b>823.463.289</b>

#### 8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.514.073.927	12.569.781.091
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.514.073.927	12.569.781.091
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.548.005	7.991.797
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.170</b>	<b>1.573</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.548.005	7.991.797
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>11.548.005</b>	<b>7.991.797</b>

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.492.795.992
Chi phí nhân công	97.687.982.257
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.931.068.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	292.926.845.635
Chi phí khác	39.048.157.661
<b>Cộng</b>	<b>525.086.849.811</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và phụ cấp	1.147.525.443	872.110.529
<b>Cộng</b>	<b>1.147.525.443</b>	<b>872.110.529</b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Các công ty con của Tổng Công ty Sông Đà	Công ty con cùng công ty mẹ

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này
<i>I/ Giao dịch bán hàng</i>	
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>	
Doanh thu xây lắp thực hiện	653.700.742
<i>BĐH dự án thủy điện Sơn La</i>	
Doanh thu xây lắp thực hiện	500.912.072
<i>BĐH dự án thủy điện Nậm Chiến</i>	
Doanh thu xây lắp thực hiện	475.235.415
<i>BĐH dự án thủy điện Lai Châu</i>	
Doanh thu xây lắp thực hiện	10.883.369.795
Doanh thu tiền điện, nước, phụ phí khác	1.775.428.000
<i>BĐH dự án thủy điện Xê ca mản 1</i>	
Doanh thu xây lắp thực hiện	4.331.570.836
<i>BĐH dự án thủy điện Xê ca mản 3</i>	
Doanh thu tiền điện, nước	4.694.926.779
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 2</i>	
Doanh thu khối lượng xây lắp	6.266.659.333
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 3</i>	
Doanh thu bán điện	4.100.580.782
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 4</i>	
Doanh thu bán điện, nước	9.402.839.241
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 5</i>	
Doanh thu bán điện, nước	4.149.529.654
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 6</i>	
Doanh thu bán điện, nước	4.966.986.868
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 7</i>	
Doanh thu bán điện, nước	991.876.345



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i> Doanh thu bán điện, nước	1.297.775.410
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 10</i> Doanh thu bán điện, nước	478.225.772
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 12</i> Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.816.787
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly</i> Doanh thu bán điện	10.801.137
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi</i> <i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến</i> Doanh thu bán điện	109.522.671
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i> Doanh thu bán điện, nước	150.336.732
<i>Công ty TNHH MTV Sông Đà 705</i> Doanh thu bán điện, nước	866.215.376
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7</i> Doanh thu xây lắp thực hiện	7.045.555.087
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1</i> Doanh thu bán điện	2.418.130.460
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He</i> Doanh thu xây lắp thực hiện	3.826.809.091
<i>Công ty TNHH Điện Xekaman 3</i> Doanh thu bán điện, nước	906.852.039
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i> Doanh thu bán điện	30.451.116
<i>Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình</i> Doanh thu bán điện, nước	24.740.442
 <i>II/ Giao dịch mua hàng</i>	
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i> Giá vốn dịch vụ được cung cấp	49.090.910
<i>BĐH dự án thủy điện Xê ca mản 1</i> Giá vốn dịch vụ được cung cấp	267.706.062
<i>BĐH dự án thủy điện Xê ca mản 3</i> Giá vốn tiền thuê ca máy	343.526.364
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 3</i> Giá vốn thuê máy	24.791.019
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 4</i> Giá vốn tiền thuê máy	10.580.383
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 5</i> Giá vốn thuê máy và mua vật tư	4.580.540
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 6</i> Giá vốn tiền thuê máy	5.007.428
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i> Giá vốn thuê máy và mua vật tư	244.977.523
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly</i> Giá vốn mua vật tư	251.729.552

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>
Giá vốn phí tổng thầu, an ninh, phí chuyển tiền, y tế	17.973.000
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi</i>	130.618.489
Giá vốn thuê truyền tải	81.686.139
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	1.957.404.709
Giá vốn thí nghiệm công trình	
<i>Công ty TNHH Điện Xekaman 3</i>	
Giá vốn tiền điện, tiền mua vật tư	

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>
Tổng công ty Sông Đà	3.869.782.504
BĐH dự án thủy điện Sơn La	1.739.318.794
BĐH dự án thủy điện Nậm Chiến	4.745.059.227
BĐH dự án thủy điện Lai Châu	12.167.619.086
BĐH dự án thủy điện Hòa Na	6.504.665.002
BĐH dự án thủy điện Xê ca mản 1	14.029.982.143
BĐH dự án thủy điện Xê ca mản 3	28.523.958.529
BĐH dự án thủy điện Pleikrong	34.209.514
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.213.683.966
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	1.301.256.414
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.937.207.897
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	359.679.578
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.392.179.230
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	467.906.068
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	201.198.798
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	241.419.005
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	732.354.681
Công ty Cổ phần ĐTPT Điện Sêsan 3A	24.212.380
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	23.842.282
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	198.768.023
Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	7.816.253
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	81.326.990
Công ty TNHH MTV Sông Đà 705	173.244.905
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	8.181.063.917
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	560.342.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.709.490.000
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	444.381.835
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	44.786.104
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	105.281.701

### Cộng nợ phải thu

91.016.036.826

### Tổng công ty Sông Đà

Ứng trước thi công công trình xây lắp	29.296.726.000
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	164.182.909
Phải trả về phụ phí công trình Nậm Chiến	1.903.853

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>
<i>Phải trả về giá trị xây lắp hoàn thành và cung cấp dịch vụ với các công ty con của Tổng Công ty Sông Đà</i>	
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	50.230.132
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	133.360.475
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	930.205.575
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	159.147.669
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	2.611.743.188
Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi	143.680.338
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	150.255.124
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	8.472.109
Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	211.948.780
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	383.305.000
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	822.934.062
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	2.894.466.265
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>37.962.561.479</u></b>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Khoản phải thu Tổng Công ty Sông Đà, Công ty xác định là khó đòi và đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100%. Ngoài ra, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực ngoài xây lắp: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty như sau:

	<u>Xây lắp</u>	<u>Các lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản giảm trừ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	473.664.512.540	78.740.070.640		552.404.583.180
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>473.664.512.540</u></b>	<b><u>78.740.070.640</u></b>		<b><u>552.404.583.180</u></b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	69.222.219.840	21.198.059.799		90.420.279.639

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Xây lắp</u>	<u>Các lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản giảm trừ</u>	<u>Cộng</u>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(63.102.546.270)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				27.317.733.369
Doanh thu hoạt động tài chính				712.192.235
Chi phí tài chính				(10.766.975.829)
Thu nhập khác				15.308.626
Chi phí khác				(1.569.161.000)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.213.069.278)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				18.045.804
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				<u>13.514.073.927</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>				<u>14.131.120.179</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>				<u>8.582.598.717</u>
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	304.727.393.064	59.003.574.804		363.730.967.868
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	32.743.273.412	134.715.040	(32.877.988.452)	
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>337.470.666.476</u>	<u>59.138.289.844</u>	<u>(32.877.988.452)</u>	<u>363.730.967.868</u>
Chi phí bộ phận	(300.702.114.711)	(36.458.917.424)	32.877.988.452	(304.283.043.683)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	36.768.551.765	22.679.372.420		59.447.924.185
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(29.204.834.993)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				30.243.089.192
Doanh thu hoạt động tài chính				1.069.529.243
Chi phí tài chính				(13.122.700.241)
Thu nhập khác				968.647.894
Chi phí khác				(823.463.289)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				558.172.255

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Xây lắp</u>	<u>Các lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản giảm trừ</u>	<u>Cộng</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.069.151.275)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b><u>15.824.123.779</u></b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b><u>2.060.308.142</u></b>	<b><u>513.759.376</u></b>		<b><u>2.574.067.518</u></b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b><u>1.313.141.762</u></b>	<b><u>6.237.311.929</u></b>		<b><u>7.550.453.691</u></b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Xây lắp</u>	<u>Các lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	394.180.893.582	59.894.830.117	454.075.723.699
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			489.046.602.988
<b>Tổng tài sản</b>			<b><u>943.122.326.687</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	284.635.049.044	110.007.791.178	394.642.840.222
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			300.348.296.188
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b><u>694.991.136.410</u></b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	376.970.101.901	40.354.649.569	417.324.751.470
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			474.627.909.089
<b>Tổng tài sản</b>			<b><u>891.952.660.559</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	273.319.989.176	106.102.329.535	379.422.318.711
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			263.167.619.498
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b><u>642.589.938.209</u></b>

#### **Khu vực địa lý**

Hoạt động của nhóm Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Khu vực trong nước	521.501.725.079
Khu vực nước ngoài	30.902.858.101
<b>Cộng</b>	<b><u>552.404.583.180</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	Tài sản bộ phận
	Kỳ này	Kỳ này
Khu vực trong nước	14.131.120.179	935.111.749.029
Khu vực nước ngoài		8.010.577.658
<b>Cộng</b>	<b>14.131.120.179</b>	<b>943.122.326.687</b>

### 3. Thay đổi ước tính kế toán

Trong kỳ, Công ty mẹ giảm thời gian khấu hao loại máy móc thiết bị bằng tải rải bê tông từ 5 năm xuống 3 năm và khấu hao phương tiện vận tải các loại xe ô tô trộn bê tông từ 8 năm xuống 6 năm vì thực tế sử dụng những năm qua cho thấy thời gian khấu hao các năm trước chưa hợp lý. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao kỳ này tăng 178.189.336 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như kỳ trước.

### 4. Quản lý rủi ro tài chính

#### Tổng quan

Hoạt động của nhóm Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho nhóm Công ty.

Nhóm Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

#### Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của nhóm Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của nhóm Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.091.342.915				58.091.342.915
Phải thu khách hàng	344.259.310.697			64.611.386.596	408.870.697.293
Các khoản phải thu khác	10.552.597.472			4.923.780	10.557.521.252
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.952.000.000	1.500.000.000			24.452.000.000
<b>Cộng</b>	<b>435.855.251.084</b>	<b>1.500.000.000</b>		<b>64.616.310.376</b>	<b>501.971.561.460</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.062.872.703				76.062.872.703
Phải thu khách hàng	361.067.288.854			24.722.326.546	385.789.615.400
Các khoản phải thu khác	10.113.069.654				10.113.069.654
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.952.000.000	1.500.000.000			24.452.000.000
<b>Cộng</b>	<b>470.195.231.211</b>	<b>1.500.000.000</b>		<b>24.722.326.546</b>	<b>496.417.557.757</b>

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	177.768.045.545	24.770.547.850	13.357.912.085	215.896.505.480
Phải trả người bán	161.129.214.850	20.272.822.058		181.402.036.908
Các khoản phải trả khác	88.400.933.328	2.058.000.000		90.458.933.328
<b>Cộng</b>	<b>427.298.193.723</b>	<b>47.101.369.908</b>	<b>13.357.912.085</b>	<b>487.757.475.716</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	162.361.768.611	23.478.393.197		185.840.161.808
Phải trả người bán	186.942.543.532	21.698.897.441		208.641.440.973
Các khoản phải trả khác	98.558.655.614	2.058.000.000		100.616.655.614
<b>Cộng</b>	<b>447.862.967.757</b>	<b>47.235.290.638</b>		<b>495.098.258.395</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của nhóm Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của nhóm Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	
	USD	LAK
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.072,59	500.001,00
Phải trả người bán	(122.171,22)	
Các khoản phải trả khác	99.890,00	
<b>Tài sản/Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(19.208,63)</b>	<b>500.001,00</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của nhóm Công ty là không đáng kể do tỷ giá hối đoái tại thời điểm lập báo cáo tài chính biến động không đáng kể.

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của nhóm Công ty là khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của nhóm Công ty sẽ giảm/tăng 3.367.985.485 VND.

#### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Nhóm Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### *Tài sản đảm bảo*

Nhóm Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

## 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

### *Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.091.342.915		76.062.872.703		58.091.342.915	76.062.872.703
Phải thu khách hàng	408.870.697.293	(41.728.134.233)	385.789.615.400	(9.028.982.728)	367.142.563.060	376.760.632.672
Các khoản phải thu khác	10.557.521.252		10.113.069.654		10.557.521.252	10.113.069.654
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.452.000.000	(345.000.000)	24.452.000.000	(570.000.000)	24.107.000.000	23.882.000.000
<b>Cộng</b>	<b>501.971.561.460</b>	<b>(42.073.134.233)</b>	<b>496.417.557.757</b>	<b>(9.598.982.728)</b>	<b>459.898.427.227</b>	<b>486.818.575.029</b>

### *Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	215.896.505.480	185.840.161.808	215.896.505.480
Phải trả người bán	181.402.036.908	208.641.440.973	181.402.036.908	208.641.440.973
Các khoản phải trả khác	90.458.933.328	100.616.655.614	90.458.933.328	100.616.655.614
<b>Cộng</b>	<b>487.757.475.716</b>	<b>495.098.258.395</b>	<b>487.757.475.716</b>	<b>495.098.258.395</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Nhóm Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn và dài hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được).

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Nhóm Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

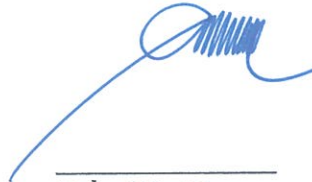
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu



Đỗ Văn Trà

Kế toán trưởng



Trần Văn Ngự

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

